CTCP Vinaconex 39 (UPCOM: PVV)

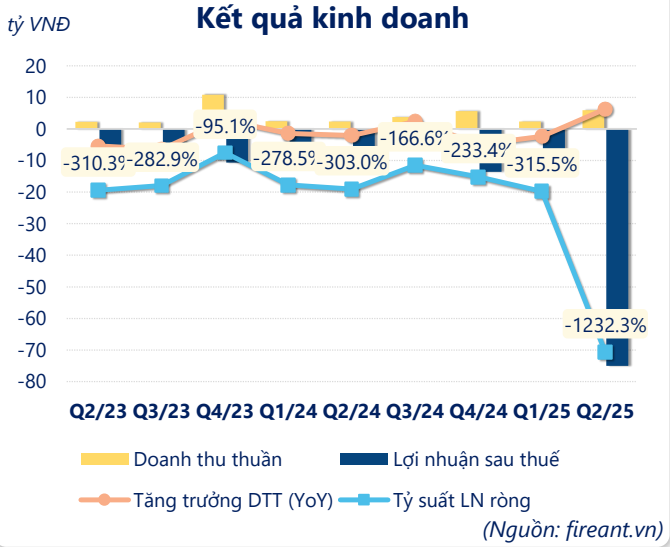
Ngày 30/06/2025	1,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	-7.1%

ROE (Q2/25): 61.9% | +/- YoY ▲ 30.8%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	5.96 tỷ VNĐ	▲ 3.60 ▲ 152%	▲ 3.61 ▲ 154%
LN gộp	0.31 tỷ VNĐ	▼ 0.58 ▼ 65.4%	▼ 0.57 ▼ 65.0%
LN thuần	-8.63 tỷ VNĐ	▼ 2.43 ▼ 39.1%	▼ 1.60 ▼ 22.7%
LN sau thuế	-75.1 tỷ VNĐ	▼ 67.7 ▼ 909%	▼ 68.0 ▼ 954%

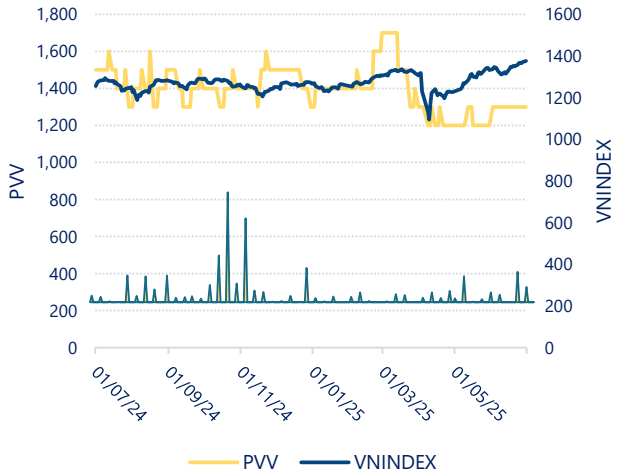
	6T 2025	YoY
DT thuần	8.32 tỷ VNĐ	▲ 3.56 ▲ 74.6%
LN gộp	1.19 tỷ VNĐ	▼ 0.63 ▼ 34.4%
LN thuần	-14.8 tỷ VNĐ	▼ 1.60 ▼ 12.2%
LN sau thuế	-82.5 tỷ VNĐ	▼ 68.7 ▼ 496%

Kết quả kinh doanh



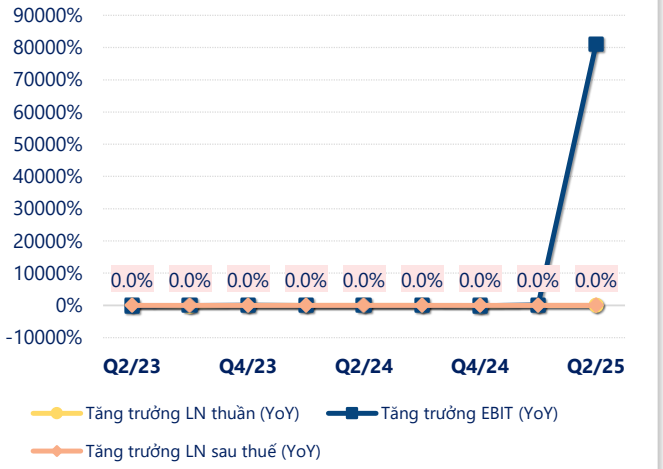
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



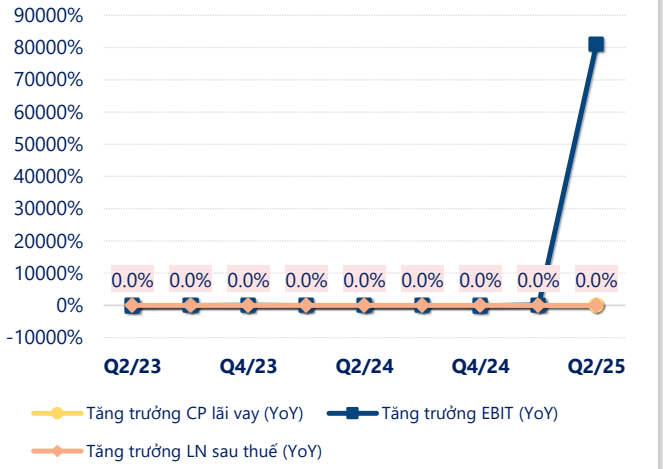
CTCP Vinaconex 39 (UPCOM: PVV)

Tăng trưởng lợi nhuận



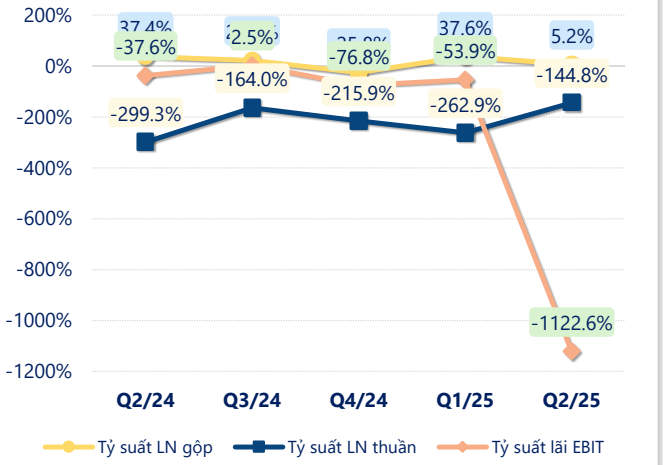
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



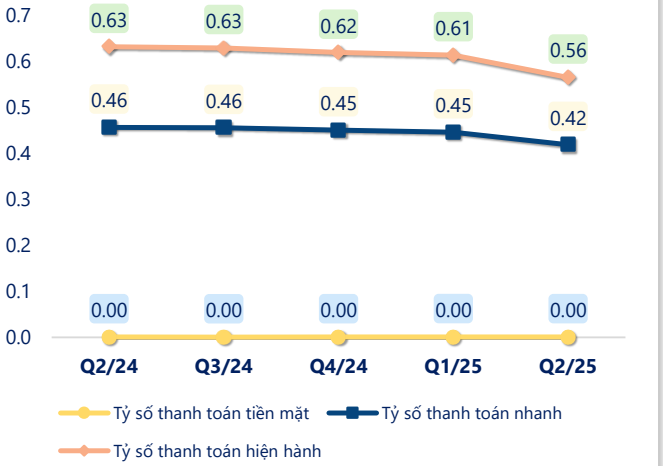
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



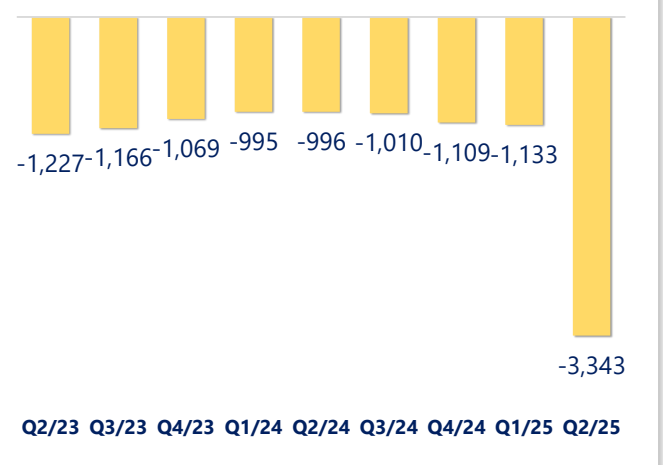
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

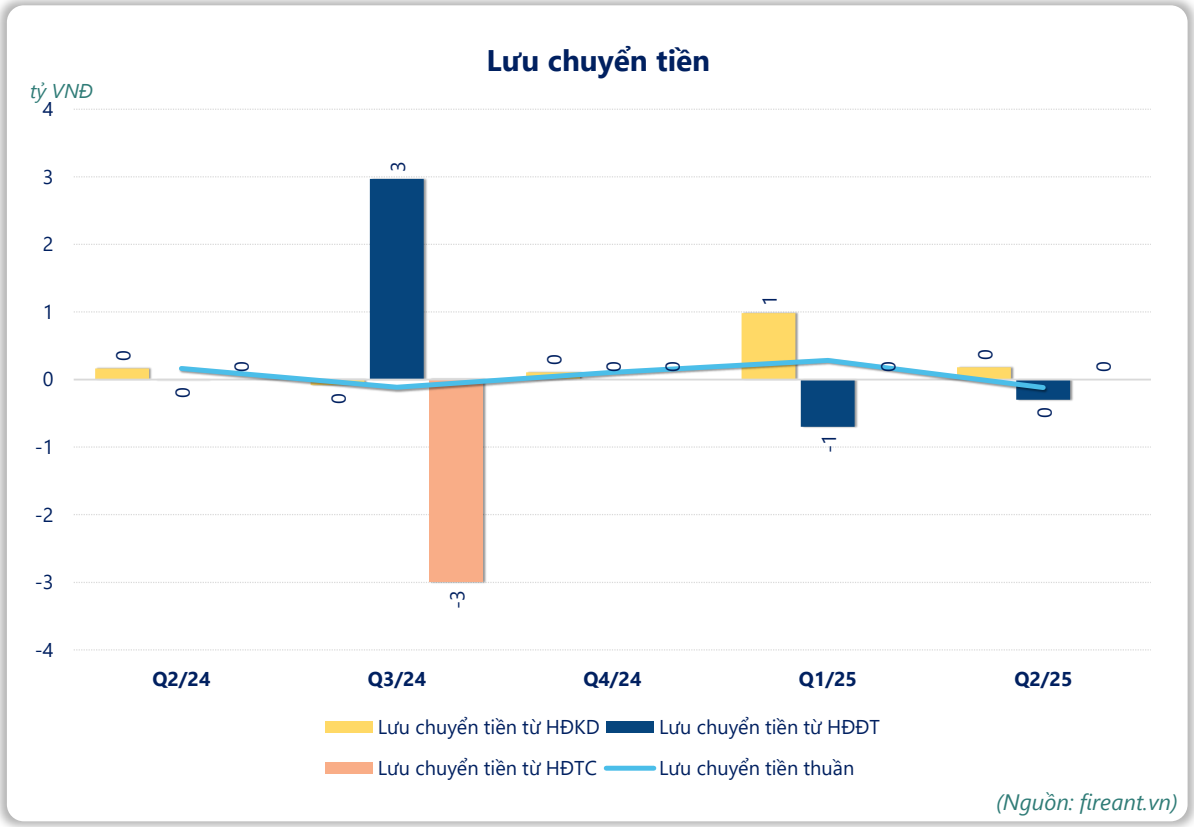


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Vinaconex 39 (UPCOM: PVV)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.96**	**2.35**	**154%**	**8.32**	**4.76**	**74.6%**
Giá vốn hàng bán	5.65	1.47	284%	7.12	2.94	142%
Lợi nhuận gộp	0.31	0.88	-65.0%	1.19	1.82	-34.4%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.01	0.03	-56.0%
Chi phí TC	7.41	6.23	18.9%	13.5	12.5	8.6%
Chi phí lãi vay	7.05	6.23	13.2%	13.2	12.5	6.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.54**	**1.68**	**-8.6%**	**2.50**	**2.60**	**-3.7%**
LN thuần từ HĐKD	-8.63	-7.03	-22.7%	-14.8	-13.2	-12.2%
Lợi nhuận khác	**-65.3**	**-0.08**	**-81536%**	**-66.5**	**-0.62**	**-10666%**
LN trước thuế	-73.9	-7.11	-940%	-81.4	-13.8	-489%
Lợi nhuận sau thuế	**-75.1**	**-7.12**	**-954%**	**-82.5**	**-13.8**	**-496%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-73.4**	**-7.12**	**-931%**	**-80.9**	**-13.8**	**-484%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)